

Số: 945 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-TTPVHCC ngày 12/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4709/TTr-SKHCN ngày 03/7/2026 về việc đề nghị phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết

thủ tục hành chính lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử để phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
 - Trung tâm TT, DL & CNS
- (để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử TP);
- Trung tâm PVHCC: GD, PGD,
 - các phòng, đơn vị trực thuộc TT;
 - Lưu: VT, SKH&CN, TTPVHCC.

(để báo cáo)

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Phúc

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-TTPVHCC ngày 07 tháng 7 năm 2026 của
Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

TT	Tên quy trình nội bộ	Mã số TTHC	Ký hiệu
1	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014916	QT.01 KTS - 06.2026
2	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014917	QT.02 KTS - 06.2026
3	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014918	QT.03 KTS - 06.2026
4	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014919	QT.04 KTS - 06.2026

B. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Quy trình Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (QT.01 KTS - 06.2026)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;
- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

- Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 838/QĐ-TTPVHCC ngày 12/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1	Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	Bản chính	1
2	Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có).	Bản chính	1
3	Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Bản chính	1
4	Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.	Bản chính	1
5	Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).	Bản chính	1
6	Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính	Bản chính	1

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác nếu có).		

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Chi nhánh - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (TTPVHCC).	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Giờ	Phí	Lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
60 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ	1440	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu TNCNS01: Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
2	Mẫu TNCNS02: Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	TTPVHCC Thành phố - các Chi nhánh	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định.	1/2 ngày	- Thành phần hồ sơ theo quy định; - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 Thông tư số 03/2025/TT-VPCP.
Bước 2	Lãnh đạo Phòng	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ.	1/2 ngày	- Hồ sơ theo mục 2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 3	Chuyên viên	Thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; dự thảo văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ hoặc văn bản tham mưu yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ.	02 ngày	Văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ; Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.
		Trường hợp quá kể từ ngày có văn bản yêu cầu bổ sung mà tổ chức, doanh nghiệp không bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lại hồ sơ.	11 ngày	Văn bản trả lại hồ sơ.
		Tham mưu Sở KHCN phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất việc thẩm định hồ sơ đề nghị thử	11 ngày	Văn bản yêu cầu giải trình làm rõ hồ sơ hoặc Văn bản trả lại hồ sơ

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
		nghiệm (bao gồm kiểm tra thực tế nếu cần thiết): - Trường hợp cần giải trình, làm rõ, tham mưu UBND Thành phố có văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, làm rõ hồ sơ đề nghị thử. - Trong vòng 11 ngày nếu tổ chức, doanh nghiệp không có văn bản giải trình, làm rõ theo yêu cầu thì tham mưu UBND Thành phố văn bản trả lại hồ sơ.		
		- Thẩm định, dự thảo Tờ trình của Sở KHCN và Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; - Trường hợp từ chối, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	24,5 ngày	Dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định theo Mẫu TNCNS02; hoặc dự thảo văn bản từ chối/trả lại hồ sơ.
Bước 4	Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định/văn bản; nếu đồng ý ký nháy, nếu không chuyển trả chuyên viên để hoàn thiện.	01 ngày	Dự thảo Tờ trình đã ký nháy; dự thảo Quyết định/văn bản.
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định/văn bản, trình lãnh đạo UBND Thành phố; nếu không đồng ý chuyển trả lãnh đạo phòng.	01 ngày	Tờ trình đã ký; dự thảo Quyết định/văn bản đã ký nháy.
Bước 6	Lãnh đạo UBND Thành phố	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét, ký ban hành; nếu không đồng ý chuyển trả lại Sở KHCN để hoàn thiện.	08 ngày	Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
				TNCNS02 hoặc văn bản từ chối.
Bước 7	Văn thư UBND Thành phố	Lấy số, đóng dấu và chuyển kết quả cho TTPVHCC, Sở KHCN.	1/2 ngày	Văn bản được đóng dấu, số, chuyển về TTPVHCC, Sở KHCN.
Bước 8	Cán bộ các Chi nhánh - TTPVHCC	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, doanh nghiệp.	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết TTHC.
Tổng thời gian: 60 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ.				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

Trách nhiệm	Các chi nhánh - TTPVHCC TP	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu có).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về TTPVHCC, Sở KHCN (nếu có), bảo đảm thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ		Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

II. Quy trình Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (QT.02 KTS - 06.2026)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

- Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 838/QĐ-TTPVHCC ngày 12/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1	Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	Bản chính	01
2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và đề xuất phương án gia hạn thử nghiệm.	Bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Chi nhánh - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (TTPVHCC).	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Giờ	Phí	Lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
11 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	88	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu TNCNS03: Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
2	Mẫu TNCNS04: Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
3	Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	TTPVHCC Thành phố - các Chi nhánh	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông	1/2 ngày	Thành phần hồ sơ theo quy định; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 Thông tư số

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
		báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định.		03/2025/TT-VPCP.
Bước 2	Lãnh đạo Phòng	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ.	1/2 ngày	Hồ sơ theo mục 2; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 3	Chuyên viên	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, thông báo yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung thành phần hồ sơ hoặc dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.	1/2 ngày	Thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ: - Tham mưu lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất việc thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm. Dự thảo. Tờ trình + Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	4,5 ngày	Tờ trình của Sở KHCN; dự thảo Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS04.
Bước 4	Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định/văn bản; nếu đồng ý ký nháy, nếu không chuyển trả chuyên viên để hoàn thiện.	1/2 ngày	Dự thảo Tờ trình đã ký nháy; dự thảo Quyết định/văn bản.

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định/văn bản, trình lãnh đạo UBND Thành phố; nếu không đồng ý chuyển trả lãnh đạo phòng.	1/2 ngày	Tờ trình đã ký; dự thảo Quyết định/văn bản đã ký nháy.
Bước 6	Lãnh đạo UBND Thành phố	Xem xét, ký ban hành Quyết định/văn bản; nếu không đồng ý chuyển trả Sở KHCN để hoàn thiện.	3 ngày	Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS04 hoặc văn bản thông báo không gia hạn.
Bước 7	Văn thư UBND Thành phố	Lấy số, đóng dấu và chuyển kết quả cho TTPVHCC, Sở KHCN.	1 ngày	Văn bản được đóng dấu, số, chuyển về TTPVHCC, Sở KHCN.
Bước 8	Cán bộ các Chi nhánh - TTPVHCC	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, doanh nghiệp.	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết TTHC.
Tổng thời gian: 11 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

Trách nhiệm	Các chi nhánh - TTPVHCC TP	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu có).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về TTPVHCC, Sở KHCN (nếu có), bảo đảm thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ		Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

III. Quy trình Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (QT.03 KTS - 06.2026)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

- Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 838/QĐ-TTPVHCC ngày 12/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1	Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	Bản chính	01
2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.	Bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Chi nhánh - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (TTPVHCC).	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Giờ	Phí	Lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
11 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	88	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu TNCNS06: Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm).	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
2	Mẫu TNCNS07: Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
3	Mẫu TNCNS10: Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
4	Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	TTPVHCC Thành phố - các Chi nhánh	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định.	1/2 ngày	Thành phần hồ sơ theo quy định; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 Thông tư số 03/2025/TT-VPCP.
Bước 2	Lãnh đạo Phòng	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ.	1/2 ngày	Hồ sơ theo mục 2; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 3	Chuyên viên	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, dự thảo thông báo yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ. Trường hợp không chấp thuận, dự thảo văn bản thông báo/từ chối và nêu rõ lý do.	1/2 ngày	Thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc văn bản thông báo/từ chối.
		Thẩm định hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm; Tham mưu Sở KHCN phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở KHCN và dự thảo Quyết định của UBND Thành phố về kết thúc thử nghiệm theo Mẫu TNCNS07 hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo Mẫu TNCNS10;	4,5 ngày	Tờ trình của Sở KHCN; dự thảo Quyết định kết thúc thử nghiệm theo Mẫu TNCNS07 hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo Mẫu TNCNS10;
Bước 4	Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định/văn bản của UBND	1/2 ngày	Dự thảo Tờ trình đã ký nháy; dự

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
		Thành phố; nếu đồng ý ký nháy, nếu không chuyển trả chuyên viên để hoàn thiện.		thảo Quyết định/văn bản.
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định/văn bản, trình lãnh đạo UBND Thành phố; nếu không đồng ý chuyển trả lãnh đạo phòng.	1/2 ngày	Tờ trình đã ký; dự thảo Quyết định/văn bản đã ký nháy.
Bước 6	Lãnh đạo UBND Thành phố	Xem xét, ký ban hành Quyết định/văn bản; nếu không đồng ý chuyển trả Sở KHCN để hoàn thiện.	3 ngày	Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS07 hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS10.
Bước 7	Văn thư UBND Thành phố	Lấy số, đóng dấu và chuyển kết quả cho TTPVHCC, Sở KHCN.	1 ngày	Văn bản được đóng dấu, số, chuyển về TTPVHCC, Sở KHCN.
Bước 8	Cán bộ các Chi nhánh - TTPVHCC	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, doanh nghiệp.	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết TTHC.
Tổng thời gian		11 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

Trách nhiệm	Các chi nhánh - TTPVHCC TP	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu có).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về TTPVHCC, Sở KHCN (nếu có), bảo đảm thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ		Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

IV. Quy trình Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (QT.04 KTS - 06.2026)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;
- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;
- Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2636/QĐ-BKHHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 838/QĐ-TTPVHCC ngày 12/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1	Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	Bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; báo cáo giải trình lý do đề nghị điều chỉnh thử nghiệm.	Bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Chi nhánh - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (TTPVHCC).	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích.	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Giờ	Phí	Lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
11 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ	88	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu TNCNS05: Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
2	Mẫu TNCNS08: Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm).	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
3	Mẫu TNCNS09: Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
4	Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	TTPVHCC Thành phố - các Chi nhánh	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định.	1/2 ngày	Thành phần hồ sơ theo quy định; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 Thông tư số 03/2025/TT-VPCP.
Bước 2	Lãnh đạo Phòng	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ.	1/2 ngày	Hồ sơ theo mục 2; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 3	Chuyên viên	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, dự thảo thông báo yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ. - Trường hợp không chấp thuận, dự thảo văn bản thông báo/từ chối và nêu rõ lý do.	1/2 ngày	Thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc văn bản thông báo/từ chối.

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
		Thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm; Tham mưu Sở KHCN phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở KHCN và dự thảo Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm theo Mẫu TNCNS09 hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm theo Mẫu TNCNS05;	4,5 ngày	Tờ trình của Sở KHCN; dự thảo Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm theo Mẫu TNCNS09 hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm theo Mẫu TNCNS05.
Bước 4	Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định/văn bản; nếu đồng ý ký nháy, nếu không chuyển trả chuyên viên để hoàn thiện.	1/2 ngày	Dự thảo Tờ trình đã ký nháy; dự thảo Quyết định/văn bản.
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Kiểm tra, ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định/văn bản, trình lãnh đạo UBND Thành phố; nếu không đồng ý chuyển trả lãnh đạo phòng.	1/2 ngày	Tờ trình đã ký; dự thảo Quyết định/văn bản đã ký nháy.
Bước 6	Lãnh đạo UBND Thành phố	Xem xét, ký ban hành Quyết định/văn bản; nếu không đồng ý chuyển trả Sở KHCN để hoàn thiện.	3 ngày	Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS09 hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS05 hoặc văn bản từ chối.

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết	Biểu mẫu/kết quả
Bước 7	Văn thư UBND Thành phố	Lấy số, đóng dấu và chuyển kết quả cho TTPVHCC, Sở KHCN.	1 ngày làm việc	Văn bản được đóng dấu, số, chuyển về TTPVHCC, Sở KHCN.
Bước 8	Cán bộ các Chi nhánh - TTPVHCC	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, doanh nghiệp.	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết TTHC.
Tổng thời gian: 11 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

Trách nhiệm	Các chi nhánh - TTPVHCC TP	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu có).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về TTPVHCC, Sở KHCN (nếu có), bảo đảm thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ		Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

Mẫu số TNCNS01. Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: ... (1) ...

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Chúng tôi, ... (2) ... trân trọng đề nghị ... (1) ... xem xét, quyết định cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (3) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

d) Nội dung đề xuất các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm:

.....

4. Hồ sơ kèm theo (đánh dấu X vào ô tương ứng):

☐ Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan).

☐ Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.

☐ Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.

☐ Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).

☐ Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác).

5. Cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

Chúng tôi cam kết:

a) Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và nội dung được phê duyệt;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ; không sao chép, giả mạo giấy tờ chứng minh điều kiện và tiêu chí thử nghiệm;

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và cung cấp thông tin khi được yêu cầu.

Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét hồ sơ và cấp phép tham gia thử nghiệm theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm.

... (3) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS02. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát
sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Xét Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và hồ sơ kèm theo của ... (1) ...;

Theo đề nghị của ... (2) ...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (4) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Phê duyệt phương án, kế hoạch thử nghiệm kèm theo (trong đó nêu rõ quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm.

Điều 3. ... (2) ..., ... (1) ..., ... (3) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
- ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (2) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (3) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (4) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS03. Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm,
dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

Kính gửi: ... (1) ...

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, ... (2) ... trân trọng đề nghị ... (1) ... xem xét, quyết định cho phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (3) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày:

Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

5. Lý do đề nghị gia hạn

(Trình bày rõ lý do cần gia hạn, kèm các tài liệu chứng minh)

6. Thời gian gia hạn đề nghị

Gia hạn thêm ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ quy định về thử nghiệm tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan trong thời gian gia hạn; thực hiện thử nghiệm đúng thời gian được gia hạn, không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm và báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của thông tin và tài liệu trong đơn này. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và chấp thuận gia hạn thử nghiệm cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm (Mẫu số TNCNS11) và tài liệu liên quan khác.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn.

... (3) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS04. Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn thử nghiệm có kiểm soát
sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm của ... (2) ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ... (3) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (5) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc gia hạn thử nghiệm

... (2) ... được tiếp tục thử nghiệm thêm ... (ngày/tháng) kể từ khi kết thúc thời gian thử nghiệm theo Quyết định cấp phép thử nghiệm số

... (2) ... có trách nhiệm triển khai thử nghiệm bảo đảm đúng quy định tại Quyết định này và Quyết định cấp phép thử nghiệm số ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. ... (3) ..., ... (2) ..., ... (4) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...; ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (4) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (5) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS05. Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát
sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm hoặc đề xuất tạm dừng của ... (2) ... và đề xuất của ... (3)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số:

- Tên sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm:
- Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):
- Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Thời gian tạm dừng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... hoặc đến thời điểm có văn bản cho phép tiếp tục thử nghiệm hoặc Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Lý do tạm dừng:

(Ghi rõ lý do: theo khoản nào của Điều 19 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số)

Điều 4. Trong thời gian tạm dừng, ... (2) ... phải:

- Ngừng ngay việc triển khai thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

- Báo cáo cho cơ quan quản lý về tình hình khắc phục sự cố.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. ... (3) ..., ... (2) ..., ... (4) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...; ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (4) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số TNCNS06. Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
(trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) (*)

Kính gửi: ... (1) ...

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, ... (2) ... trân trọng đề nghị ... (1) ... xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (3) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

5. Thời điểm đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/Thời điểm kết thúc thử nghiệm (đối với trường hợp đề nghị chứng nhận hoàn thành thử nghiệm): ngày ... tháng ... năm ...

6. Lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm

(Trình bày rõ lý do, ví dụ: kết thúc thử nghiệm đúng thời hạn hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm sớm, hiệu quả đạt yêu cầu, không còn nhu cầu tiếp tục, hoặc phát sinh yếu tố khiến việc tiếp tục thử nghiệm không còn phù hợp...)...

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc.
- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.
- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm: ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS07. Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../ QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn
sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ...; đề xuất của ... (3) và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc thử nghiệm trước thời hạn đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (5) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Thời điểm kết thúc thử nghiệm trước thời hạn: ngày ... tháng ... năm ...

b) Lý do kết thúc thử nghiệm trước thời hạn: (Trình bày rõ lý do, ví dụ: theo đề nghị của tổ chức hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, ...)

Điều 2. Tổ chức/doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc;

2. Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ;

3. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ...

Điều 4. ... (3) ..., ... (2) ..., ... (4) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...; ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (4) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (5) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS08. Đơn đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
(điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm/tạm dừng thử nghiệm) ()*

Kính gửi: ... (1) ...

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, ... (2) ... trân trọng đề nghị ... (1) ... xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (3) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày:

Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đã được cấp phép:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

5. Nội dung đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm

(Trình bày rõ, cụ thể điều chỉnh kế hoạch và lý do đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm)

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan khi điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS09. Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ... ; đề xuất của ... (3) và đơn đề nghị điều chỉnh của (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (5) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm:

Điều 2. ... (2) ... có trách nhiệm triển khai thử nghiệm đúng theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. ... (3) ..., ... (2) ..., ... (4) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (4) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (5) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS10. Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét kết quả thực hiện thử nghiệm của ... (2) ...; đề xuất của ... (3) và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

4. Địa điểm đặt trụ sở chính:

5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

6. Người đại diện theo pháp luật: ... (4) ...

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Sinh ngày:

Quốc tịch:

- Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

Điều 2. Sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên sản phẩm, dịch vụ:

2. Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

3. Mục tiêu thử nghiệm:

Điều 3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

1. Thời gian thử nghiệm: Từ .../.../... đến .../.../...

2. Không gian thử nghiệm:

3. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

Điều 4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Kết quả thử nghiệm:

(Tóm tắt kết quả đạt được, xác nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí theo quy định pháp luật)

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...; ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ...: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

... (4) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS11. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: ... (1) ...

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (2) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày:

Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...**5. Kết quả đạt được**

- Mục tiêu đã hoàn thành:
- Các chỉ tiêu kỹ thuật, vận hành:
- Phản hồi từ người dùng/đối tượng tham gia:
- Các thông tin khác nếu có

6. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc:
- Nguyên nhân:
- Giải pháp khắc phục:
- Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...; ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

... (1) ...: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

... (2) ...: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.